



DOI:10.22144/ctujs.2025.128

NĂNG LỰC CỦA NHÀ VĂN TRONG QUAN NIỆM VĂN CHƯƠNG TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Đặng Văn Vũ*

Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): dvvu@sgu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 26/11/2024

Sửa bài (Revised): 10/12/2024

Duyệt đăng (Accepted): 27/03/2025

Title: The writer's ability in the concept of Vietnamese medieval literature

Author: Dang Van Vu

Affiliation(s): Saigon University, Viet Nam

TÓM TẮT

Sau khi thoát khỏi sự đô hộ của các thế lực phong kiến phương Bắc kéo dài hàng ngàn năm, ngay khi giành được độc lập, ông cha ta đã tạo dựng một nền văn học thành văn của riêng mình. Nền văn học trung đại Việt Nam được tính từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX. Song song với sáng tác, văn nhân thời trung đại đã có ý thức về lý thuyết văn học. Nhiều vấn đề xoay quanh bản chất của tác phẩm văn học được đúc kết. Cùng với đó là các phương diện về sáng tác cũng được quan tâm. Ngoài vấn đề truyền đạt kinh nghiệm viết văn, vai trò của cảm hứng trong sáng tạo, ông cha ta cũng bàn nhiều về năng lực của nhà văn. Theo đó, nhà văn muốn sáng tác được phải có khả năng thiên phú, có kiến thức học vấn sâu rộng, vốn sống phong phú, biết trau dồi đạo đức và cuối cùng là phải dụng tâm, chịu khó lao động nghệ thuật.

Từ khóa: Năng lực, năng khiếu, sáng tác, trung đại, văn nhân

ABSTRACT

After escaping the domination of the Northern feudal forces for thousands of years, as soon as we achieved independence, our ancestors created their own written literature. Vietnamese medieval literature is counted from the 10th century to the end of the 19th century. Along with writing, medieval writers were conscious of literary theory. Many issues surrounding the nature of literary works are summarized. Along with that, aspects of composition are also of interest. In addition to the problem of conveying writing experience and the role of inspiration in creativity, our ancestors also discussed a lot about the writer's ability. Accordingly, to be able to compose, one must have natural ability, extensive educational knowledge, rich living capital, knowledge of how to cultivate morality, and finally, be dedicated and hard-working in art.

Keywords: Ability, composition, medieval, talent, writer

1. GIỚI THIỆU

Trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam thời trung đại, văn chương là một hình thái ý thức quan trọng bậc nhất. Sở dĩ có điều này, một mặt do truyền thống văn hóa trọng văn của dân tộc; mặt khác, do đây là một sinh hoạt tinh thần chính yếu của con người khi mà các hình thức giải trí còn khá ít ỏi thời bấy giờ. Trong bối cảnh vừa thoát khỏi cả ngàn năm bị đô hộ bởi các thế lực phong kiến phương Bắc, nước Việt hầu như chưa có một nền học thuật đúng nghĩa. Bởi vậy, văn chương bình dân, văn chương du nhập từ Trung Quốc và sáng tác bằng chữ Hán, chữ Nôm của các văn nhân trung đại giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần nhân dân. Do vậy, tác phẩm văn chương là một sản phẩm vô cùng cao quý và văn nhân luôn được xã hội trọng vọng, đề cao.

Trong hệ thống quan niệm về lý thuyết văn chương thời trung đại, hai phương diện lớn được chia ra như: bản chất và chức năng của văn học, sáng tác và tiếp nhận văn học. Về nội dung đầu tiên của sáng tác, ông cha ta khái quát các điều kiện để trở thành một văn nhân. Những điều kiện này có thể tìm thấy trong gia tài lý luận của Trung Quốc (sách *Lý luận văn học nghệ thuật cổ điển Trung Quốc* của Khâu Chấn Thanh), nhưng chủ yếu là quan niệm của chính cha ông xuất phát từ thực tiễn sáng tác gắn liền với điều kiện lịch sử xã hội và đặc điểm văn hóa, văn học Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện bài viết này, các phương pháp sau được sử dụng:

- Phương pháp lịch sử - xã hội

Phương pháp này được vận dụng để nhìn nhận cơ sở xã hội hình thành các quan niệm văn chương. Cơ sở xã hội Việt Nam thế kỷ X đến thế kỷ XIX với sự biến động mạnh mẽ của nó có ảnh hưởng không nhỏ đến quan niệm sáng tác của các văn nhân.

- Phương pháp so sánh

Việc so sánh quan niệm của thời kỳ trung đại với quan niệm của thời kỳ hiện đại được thực hiện để thấy được tính liên thời đại trong vấn đề lý thuyết văn chương.

- Thao tác phân tích, tổng hợp

Đây là thao tác cơ bản nhất của đề tài. Người viết chủ yếu phân tích từng nội dung cụ thể đề vấn đề được hiện lên một cách rõ ràng nhất. Từ đó, người viết khái quát thành các luận điểm trong tính biện chứng và hệ thống. Việc sử dụng thao tác phân tích

và tổng hợp là điều cần thiết để có được cách nhìn vừa cụ thể, vừa khái quát.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Nghiên cứu về lý luận văn học trung đại Việt Nam nói chung, về vấn đề sáng tác nói riêng, phải đến đầu thập niên tám mươi của thế kỷ XX mới có những công trình chuyên sâu và có tính hệ thống. Tiêu biểu là các nghiên cứu của Nguyễn (1981), Phương (1985), Phan et al. (2007). Sách *Lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam* (Trịnh Bá Đĩnh chủ biên) có 4 chương. Trong chương 1 có tiêu đề “Những quan niệm văn học và phê bình văn học thời kỳ trung đại” (Trịnh, 2016). Trịnh (2013) có bài viết *Tư tưởng lý luận phê bình văn học trung đại* đã đánh giá một cách khái quát về lý luận phê bình thời trung đại ở Việt Nam. Doan (2009) với sách *Tư tưởng lý luận văn học Trung đại Việt Nam* cũng đi qua lý luận văn học trung đại thông qua đặc điểm của từng thời kỳ và có so sánh sự khác nhau giữa các thời kỳ. Ngoài ra, còn rất nhiều luận văn, luận án, chuyên khảo bài báo cũng đi vào khảo sát vấn đề quan niệm văn chương trung đại. Tuy nhiên, việc bàn về năng lực nhà văn thì vẫn còn những khoảng trống nhất định. Đó là cơ sở để đề bài viết này được thực hiện.

3.1. Nhà văn phải có khả năng thiên phú

Khi làm bất cứ việc gì, ngoài sự cần cù chăm chỉ, điều kiện tiên quyết là phải có năng lực mới có thể đi đến thành công. Năng lực được tạo nên từ năng khiếu và kiến thức. Năng khiếu là khả năng đặc biệt. Kiến thức đến từ sách vở và kinh nghiệm. Riêng trong lĩnh vực văn học nghệ thuật thì năng khiếu hay còn gọi là tài năng thiên phú đóng vai trò hầu như là quan trọng nhất.

Trên tinh thần của tư duy phân tích, lý luận văn học hiện đại chỉ ra tám năng lực cần có của nhà văn gồm: giàu tình cảm, dễ xúc động và nhạy cảm; trí tưởng tượng phong phú; năng khiếu quan sát tinh tế; trí nhớ tốt; cá tính; vốn sống phong phú; trình độ văn hóa (kiến thức văn học, văn hóa, triết học...) và năng khiếu thiên bẩm (Huỳnh, 2014). Do thời trung đại thiên về tư duy tổng hợp nên những vấn đề có tính chất chung thường được đề cập đến. Ba tư chất cần có của một nhà văn là: năng khiếu thiên phú, đọc sách nhiều và phải thâm nhập vào đời sống để có kiến thức thực tế. Những điều kiện ấy làm nên tài năng văn chương.

Trong ba phẩm chất nói trên, quan niệm thời trung đại nhấn mạnh khả năng thiên phú. Khả năng này khó giải thích được, nhưng nó tồn tại một cách hiển nhiên, ai cũng có thể nhìn thấy. Người có khả năng thiên phú làm được những việc mà đại đa số

người khác không làm được. Ông cha ta cũng thấy được điều này từ rất sớm. Trong bài tựa tập *Tổn Am thi sao*, Bùi Văn Dị viết: “*Thơ là nói lên chí của mình, phải có thiên tính sáng suốt, theo khí bẩm trời cho, rồi phát ra thành lời hát lời vịnh, có thể thì mới khỏi rơi vào khuôn sáo tầm thường*” (Phan et al., 2007, p. 287). Nhà thơ vừa có thiên tính sáng suốt, vừa phải có khí bẩm trời cho thì mới tạo ra tác phẩm có tính mới lạ, không theo khuôn sáo cũ. Thiên tính sáng suốt được hiểu là trí tuệ anh minh. Những tâm hồn cao thượng, thông tuệ thì mới sáng tạo nghệ thuật được, vì mục đích của nghệ thuật là nâng cao phẩm giá con người. Thiên tính sáng suốt, nhưng phải có *khí bẩm trời cho* nữa mới sáng tác được. Nhà văn nói riêng và nghệ sĩ nói chung là rất hiếm, vì “trời cho” không thể nhiều. Nếu “ông trời” ban phát một cách thoải mái thì có lẽ nghệ thuật sẽ trở nên bình thường, vì lúc đó ai cũng có thể sáng tác được. Do vậy, khả năng thiên bẩm là điều kiện rất quan trọng cho sáng tạo nghệ thuật.

Chính khả năng này là điều kiện quan trọng hàng đầu trong việc tạo hồn cho tác phẩm. Trong thực tế sáng tác, không phải mọi động lực để cầm bút là xuất phát từ hiện thực đời sống, từ ý thức, mà nhiều khi nó đến từ giấc mơ. Có nhiều giấc mơ cứ ám ảnh mãi khiến người ta phải ghi lại, rồi bồi đắp thêm để trở thành tác phẩm. Điều này cũng được Phạm Nguyễn Du khẳng định trong lời bạt *Ấm Chương công thi tập*: “*Thơ là tài nghệ, nhưng thánh nhân đem tài nghệ xếp vào mục chí đạo, cư đức và hoài nhân, như vậy liệu tài nghệ có thiếu được chăng? Các bậc hiền triết xưa nay đầy đủ ở đạo đức và nhân, nhưng vẫn có người chưa đầy đủ ở tài nghệ. Vì tài nghệ phần nhiều nảy sinh từ thiên bẩm, chứ không hoàn toàn do học vấn, đó là điều nhân tài xưa nay cũng tán đồng vậy*” (Phan et al., 2007, p. 162). Có thể xem đây là một ý kiến phản bác lại quan điểm của Tống Nho khi cho rằng đạo là gốc rễ của văn, văn là cành lá của đạo. Phạm Nguyễn Du khẳng định thơ là tài nghệ và tài nghệ phần nhiều nảy sinh từ thiên bẩm. Ông cũng nhấn mạnh đó là điều nhân tài xưa nay đều tán đồng. Như vậy, ý kiến của ông cũng có tính kế thừa, nhờ đó tính thuyết phục cao hơn. Nhưng cũng phải thấy rằng, với sự quan sát thực tế, những nhà văn có tác phẩm để đời đều là những người có năng khiếu trời cho. Một người viết một cuốn tiểu thuyết vài trăm trang ít nhất cũng mất một hai năm. Không như các sản phẩm thông thường, tác phẩm văn chương là một sản phẩm kì diệu. Do đó, việc viết văn là một công việc sản xuất tinh thần tinh vi không chút đơn giản, dễ hiểu. Trong lời tựa *Hoàng công thi tập*, Ngô Thi Nhậm đã nói: “*Việc binh, việc hình, việc lễ, việc nhạc, thánh nhân có phép tắc cả*.”

Binh pháp cốt ở chinh tề, hình luật cốt ở răn cấm, lễ pháp cốt ở uy nghi, nhạc luật cốt ở thanh âm. Những điều đó, thánh nhân đã nêu ra để dạy người, rất là rõ ràng, dễ hiểu. Đến như phép, luật làm thơ, lại là một điều huyền bí, thánh nhân không truyền lại, ta chỉ có thể hiểu bằng thần, không thể tìm bằng trí được” (Phan et al., 2007, p. 145). Ở đây, phép, luật làm thơ không phải là những niêm, luật của một bài thơ (như thơ luật Đường) mà là sáng tạo nghệ thuật nói chung. Việc sáng tạo nghệ thuật không phải chỉ thuần túy từ ý đồ, từ sự sắp đặt của lý trí, mà nhiều khi nó là một điều *huyền bí*, như sự trỗi dậy của nguyên sơ tượng, tiềm thức, vô thức mà rất nhiều nhà văn đã nói về sự kỳ lạ trong quá trình sáng tác của mình. Ngô Thi Nhậm đã nói đến “*điều huyền bí*” của sáng tạo và cái “*thần*” đó chính là năng lực thiên phú. Điều đó càng củng cố hơn niềm tin về vấn đề năng khiếu trong lĩnh vực nghệ thuật. Không chỉ ở thời trung đại, lý luận văn học hiện đại cũng luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của “*khí bẩm trời cho*” này. Nhà nghiên cứu Huỳnh Như Phương viết: “*Sáng tạo nghệ thuật đòi hỏi tài năng, chỉ có tài năng mới tạo ra giá trị văn học. Nhưng tài năng là gì? Tài năng là năng khiếu bẩm sinh, là năng lực thiên phú được nối dài nhờ sự rèn luyện bền bỉ trong quá trình lao động nghệ thuật*” (Huỳnh, 2014, p. 160). Có thể khẳng định rằng, trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật, ngay từ ngày xưa, ông cha ta thừa nhận năng lực thiên phú giữ một vai trò vô cùng quan trọng để một con người trở thành văn nhân. Tuy nhiên, nó chỉ là điều kiện cần, điều kiện đủ là cần phải có kiến thức từ học vấn và vốn sống.

3.2. Nhà văn phải có kiến thức sâu rộng

Ông cha ta thừa nhận khả năng thiên phú làm nên tài năng nhà văn. Nhưng chỉ bấy nhiêu chưa đủ, nhà văn còn dày công học tập từ sách vở để có kiến thức uyên thâm. Qui luật của sự phát triển của loài người là luôn kế thừa thành quả của người đi trước, rồi sáng tạo thêm. Kết quả của sự sáng tạo thêm ấy được truyền lại cho thế hệ sau thông qua phương tiện sách vở và xã hội ngày càng phát triển. Bởi vậy kiến thức từ học vấn là rất cần thiết. Khẳng định điều này, Ngô Cương Mạnh Đoàn trong *Thanh Khê chuyết tập* có viết: “*Người muốn làm thơ trước hết phải đọc sách, người muốn đọc sách trước tiên phải dưỡng khí. Có lẽ điều này muốn nói: dưỡng khí được sung mãn thì đọc sách mới có thể ghi nhớ. Đọc sách ghi nhớ thì tinh hoa tự nhiên siêu việt, văn thơ liền trở thành hay*” (Phan et al., 2007, p. 211). Mỗi cuốn sách là một người thầy. Ta đọc nhiều cuốn sách thì ta được nhiều thầy dạy. Được nhiều thầy dạy thì kiến thức ta sâu rộng. Kiến thức sâu rộng thì làm việc gì cũng dễ thành công. Việc sáng tác văn chương không nằm

ngoài qui luật đó. Tầm quan trọng của kiến thức từ sách vở cũng được Phạm Phú Thứ nêu ra trong *Giá Viên toàn tập*: “*Không đọc hết muôn cuốn sách, không xem xét hết tám cội thì không thể đạt tới chỗ sâu rộng để cho văn thơ làm ra có thể lưu truyền đời sau được*” (Phuong, 1985, p. 133). Chỉ có những tác phẩm văn chương hay mới có thể vượt thời gian đi vào hậu thế. Để tạo nên tác phẩm hay đó, theo Phạm Phú Thứ, ta phải đọc hết muôn cuốn sách. Chữ “muôn” ở đây có tính chất phiếm chỉ, tức là nhà văn phải chịu khó đọc, đọc nhiều. Khi đọc nhiều, một mặt, nó giúp ta có kiến thức, mặt khác, giúp ta có khả năng suy tưởng và trí tưởng tượng phong phú. Đó là cơ sở vững chắc làm nên tài năng văn chương.

Không dùng từ “muôn” như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Tư Giản trong *Thạch Nông toàn tập*, dùng từ “vạn”, nhưng ý nghĩa thì tương tự: “*Nuôi tâm nhìn rộng trông xa, thì hơi văn sẽ thắng bằng, trong bụng nuốt tám chín chẳm Vân Mộng, thì thể văn sẽ bao la và thoải mái; đọc nát vạn cuốn sách, cảm thấy như có phần ở bên mình, thì thể cách văn sẽ lớn lao mà đúng đắn. Người nào gồm đủ các mặt trên, đây là nhà văn ưu tú nhất*” (Nguyen, 1981, p. 169). “Tâm nhìn xa trông rộng” là tư tưởng triết học, “chẳm Vân Mộng” là kiến thức thực tế, “vạn cuốn sách” là kiến thức sách vở. Có đầy đủ các yếu tố trên thì dễ trở thành nhà văn ưu tú. Điều này nhà thơ Vương Ký Đức đời Minh ở Trung Quốc cũng thừa nhận: “*Từ khúc tuy là “đạo nhỏ” nhưng nếu không đọc sách nhiều để mở rộng kiến văn của mình, thì cuối cùng cũng không viết nên tác phẩm hay được... tiếp thu tất cả nhưng tinh hoa trong đó [sách], chất chứa trong lòng, rồi khi sáng tác, những tinh hoa ấy trào dâng nơi đầu ngọn bút, tựa như sáng tác âm nhạc, âm thanh hay như trong lòng phát ra, tự nhiên, tung hoành, hòa hợp, khác hẳn những kẻ cắt xén, ăn cắp văn chương của người khác vậy*” (Khau, 2001, p. 471). Ở đây, chúng ta cũng thấy một điều có tính chất thời đại. Thời trung đại, quan niệm người giỏi là người biết nhiều tích xưa chuyện cũ, vì đối với họ, tiền nhân là chuẩn mực, những gì tiền nhân đưa ra là khuôn vàng thước ngọc. Việc sáng tác mà dùng thật nhiều điển cố, điển tích thì ý nghĩa mới khái quát, sâu xa.

Việc đọc sách nhiều giúp kiến thức phong phú, nhưng cần phải kiên tâm nhất trí mới có thành tựu trong văn chương được. Trong lời bạt sách *Nam phong giải trào*, Trần Doãn Giác viết: “*Nếu chẳng phải là người có kiến thức sâu rộng, học lực phong phú, ý thức chuyên nhất thì muốn diễn dịch ra văn tự, hoặc phổ vào điệu đàn lời ca cũng rất khó. Kẻ kiến thức hẹp hòi thì lời lẽ nghèo nàn; kẻ không chuyên nhất thì không thể hiểu được chỗ sâu kín*”

(Nguyen, 1981, p. 176). Việc viết văn là một công việc vô cùng gian nan vất vả, phải đánh vật với từng con chữ. Trong kho tàng ngôn ngữ, việc chọn từ nào cho hợp, cho hay, diễn tả một cách xuất sắc tư tưởng là điều không đơn giản. Bên cạnh đó, mỗi thời điểm, mỗi ngữ cảnh sẽ sử dụng từ ngữ khác nhau. Đó là chưa nói đến nhiều vấn đề khác của cấu trúc nghệ thuật, như mở đầu và kết thúc như thế nào, sắp xếp chi tiết ra sao, sự kiện được tổ chức theo cách nào, hình ảnh thơ, ý thơ phối trí theo kiểu gì,... là những đòi hỏi mà nhà văn không lao tâm khổ tứ thì không thể hoàn thành tác phẩm. Kiến thức hẹp hòi thì mở rộng bằng việc đọc sách. Không “chuyên nhất” thì phải có cách khắc phục duy nhất là phải thật tập trung, chịu khó lao động trí óc thì tác phẩm mới đạt đến chỗ sâu sắc, giàu ý nghĩa.

3.3. Nhà văn phải có vốn sống phong phú

Con người trong đời sống nói chung, tri thức được tạo nên từ hai nguồn: tri thức từ học vấn, sách vở và vốn sống. Kiến thức thực tế vô cùng phong phú và thiết thực vì nó thuộc lĩnh vực thực hành, trong khi đó kiến thức sách vở chỉ có tính chất lý thuyết và nhiều khi trở nên lạc hậu vì “cây đời mãi mãi xanh tươi”. Trong sáng tác văn chương, vốn sống càng trở nên quan trọng, vì không có nó, rất có thể tác phẩm sẽ trở nên lạc điệu.

Cùng đề cao tài năng thiên phú, tư tưởng sâu rộng, học vấn cao minh, nhưng Lê Hữu Kiều còn nhấn mạnh yếu tố vốn sống trong việc hình thành tài năng nhà văn. Đề tựa tập thơ *Tàng thuyết* của Mai Doãn Thường, Lê Hữu Kiều cho rằng: “*Người làm thơ được hay như thế, tất phải là người tài hoa và có tư tưởng tốt bậc: họ là người suy nghĩ rộng và học vấn đầy đủ, nghe được thấy nhiều*” (Nguyen, 1981, p. 55). Nếu sách vở là kiến thức lý thuyết, thì vốn sống là kiến thức thực tế. Vốn sống là nguồn chất liệu quan trọng nhất cho sáng tác. Nhà văn không thể “Trợn ngày thông thả khép phòng văn” (Nguyễn Trãi) mãi mà sáng tác được. Nếu nhà văn chỉ khai thác chất liệu bằng trí tưởng tượng, thì không bao lâu nó sẽ cạn kiệt. Cho nên, nhà văn phải đi vào thực tế, thu nhận thật nhiều vốn sống, anh mới trở về “khép phòng văn” được.

Tầm quan trọng của vốn sống đối với sáng tác cũng được Phan Huy Vịnh khẳng định qua lời tựa tập *Hoa thiều ngâm lục*: “*Văn chương của người xưa phần nhiều có sự giúp đỡ của non sông. Thái Sử Công đi khắp bốn biển, nên văn chương có khí lạ; Liễu Từ Hậu đi khắp Lĩnh Nam dò hết điều kỳ lạ; Tô Đông Pha đi hải ngoại, buông tuồng mệnh mông. Không ai là không nhờ du lịch muốn đậm mà sau đó mới tới được cõi thần diệu cả. Học thức bình sinh*

của tôi không thể so sánh được với người xưa, nhưng nhờ có những chuyến đi này để phát huy ý chí của mình, ngõ hầu không uổng công phu đọc sách” (Nguyen, 1981, p. 148). Cái uyên bác của nhà văn bao gồm những kiến thức gián tiếp qua sách vở, nhưng quan trọng hơn là vốn sống trực tiếp. Để phục vụ cho lập luận của mình, tác giả dẫn chứng từ các văn nhân Trung Quốc đã đi nhiều nên tác phẩm mới tới được “cõi thần diệu”. Ông cũng dẫn từ chính bản thân để tăng tính thuyết phục về tầm quan trọng của vốn sống. Nhờ đi nhiều mà ông có được sự kiểm nghiệm kiến thức sách vở. Ngay cả một nhà thơ hoàng tộc cũng tự trách mình vì không chịu khó đi vào đời sống nên không có gì để viết. Trong lời tựa *Vi Dạ hợp tập*, Tuy Lý Vương Miên Trinh tâm sự: *“Gần đây tôi thường ăn hận bản thân mình không rời nơi làm việc của bọn hoạn quan và cung nữ, dấu chân không ra khỏi cung đình phủ đệ, không có khung cảnh núi to chằm lớn để khơi sâu cái ý chí mạnh mẽ của mình... tại nghe mắt thấy của tôi cũng không có gì là lạ lùng độc đáo đáng ghi chép cả”* (Nguyen, 1981, p. 148). Thực tế muôn màu của đời sống, từ núi cao sông sâu, biển rộng đến thôn xóm quê mùa dân dã,... giúp nhà văn khơi sâu ý chí, tâm hồn rộng mở, ý tưởng nảy sinh, chất liệu dồi dào để viết. Nếu cứ “ngủ trong giường chiếu hẹp” thì chỉ có “giấc mơ con” (chữ của Chế Lan Viên) thì làm sao có tư tưởng lớn được. Nếu không ra khỏi “cung đình phủ đệ” thì nhà văn không cảm nhận được hơi thở của cuộc sống nhân dân và không thể sáng tác. Nhân dân luôn ghi nhận những ông vua siêng vì hành, có như thế ông mới biết và điều chỉnh chính sách cai trị của mình. Nhân dân cũng luôn đề cao những tác phẩm mang hơi thở nóng hổi cuộc sống của họ.

Nếu như Miên Trinh tự trách mình không thâm nhập cuộc sống, thì Ngô Thì Sĩ nói cụ thể hơn về sự gắn bó tâm hồn với cảnh vật để mở rộng kiến thức:

“Hoa sớm và trăng khuya

Bến sông và đỉnh núi

Côn trùng không cho là hèn mọn

Trạng thái của vật khó miêu tả.

Nhưng ngọn bút của ông đã khám phá được hết.

Việc tự mở rộng kiến thức cho mình ít ai bì kịp,

Thói đa tình cũng dễ mấy ai bì” (Phan et al.,

2007, p. 155).

Nhà thơ phải có năng lực khám phá mọi thứ trên đời đều có thể là đối tượng của thơ văn nếu người viết nắm bắt được cái thần của nó, khám phá được chiều sâu ý nghĩa đối với con người. Để có được năng lực ấy, Ngô Thì Sĩ nhấn mạnh hai điều kiện:

“tự mở rộng kiến thức” và “thói đa tình”. Việc tự mở rộng kiến thức là vấn đề được nhiều người đề cập. Còn thói đa tình là gì? Đó chính là phẩm chất giàu tình cảm, dễ xúc động và nhạy cảm của người nghệ sĩ. Những hình ảnh như hạt sương sớm trên ngọn cỏ, tiếng côn trùng đêm khuya, ngôi sao xa lẻ loi,... đối với những năng lực thông thường thì nó hết sức bình thường; nhưng đối với nghệ sĩ thì sẽ khắc khoải cõi lòng để rồi rung lên những giai điệu và phải thể hiện ra trên trang giấy hoặc bức tranh, điệu nhạc,... Nếu nhà văn thơ mà không có “thói đa tình” thì sáng tác của họ rất hiếm hoi và đơn điệu.

Ở một phương diện khác, ông cha ta nhấn mạnh đến nền tảng đạo đức của văn nhân. Thời nào cũng vậy, đạo đức là nền tảng của tài năng, đạo đức chi phối, định hướng cho tài năng. *Có tài mà không có đức là người vô dụng*. Trong thời đại mà nhiệm vụ chuyển tải và giáo dục đạo đức của văn chương được đưa lên hàng đầu, cái gốc đạo đức của văn nhân càng quan trọng. Để khẳng định điều này, trong *Văn đài loại ngữ*, Lê Quý Đôn viết: *“Đại để hoa anh phát tiết ra ngoài, là do ở trong có chứa nhiều hòa thuận. Cho nên, người có đức tất biết ăn nói, người có hạnh tất có học, như con phượng thì có cánh, sặc sỡ, con báo thì có lông trơn mượt. Trang sức ở ngoài với chứa đựng bên trong là một”* (Nguyen, 1981, p. 92). Chữ “hòa thuận” mà tác giả nói ở đây có nghĩa là tính tình trung hậu, điềm đạm, mực thước, lễ nghĩa,... Khi cái tâm hòa thuận thì tâm hồn trong sáng, nhà văn mới phát tiết ra anh hoa (thơ văn hay), như Lưu Hiệp từng nói: *“Cái tâm suy nghĩ ra ngôn từ là công cụ của cái thần. Nếu cái chi khoan thai, hòa thuận thì cái lý sáng rõ mà tình cảm tư tưởng được thông suốt. Trau dồi mài dũa quá đáng thì cái thần mệt mà khí chất suy. Đó là nguyên lý của cái tính tình vậy”* (Aristote & Luu, 1999, p. 245). Nhà văn phải là người có đức hạnh thì mới viết hay. Điều này cũng được Cao Bá Quát nhắc đến trong *Bài bạt tập thơ của Thương Sơn Công*: *“Bàn về thơ, tuy phải chú trọng về qui cách, nhưng làm thơ thì phải gốc ở tính tình”* (Phan et al., 2007, p. 244). Tính tình có tốt thì mới sáng tác được. Trong lòng chứa đầy sự thâm hiểm thì sao viết được những lời sáng trong? Tâm sáng thì lời sáng (chim khôn hót tiếng rảnh rang), đó là một định đề có tính qui luật. Điều này cũng được Nhữ Bá Sĩ nêu lên trong *Phi điều nguyên âm*: *“Cái tư chất của bậc thượng trí, bên trong thì lớn lao, bên ngoài thì rực rỡ, chạm vào nơi nào thì từ văn nảy sinh nơi ấy: là hoa cỏ của hóa công, là khói sóng của biển lớn, có thể gọi là gạn lọc điều chất chứa trong lòng mà viết nên văn... Nói chung, đức hạnh học thức là cái gốc của văn chương”* (Phan et al., 2007, p. 216). Nhà văn là bậc thượng

trí. Chữ thượng trí ở đây không chỉ là trí tuệ cao mà còn hàm chứa cả đức dày. Khi có cả đức và trí, việc tiếp xúc với sự vật dễ nảy sinh tư vấn (ý tưởng sáng tác). Tư vấn là khởi đầu cho việc hình thành nên tác phẩm. Ở đoạn cuối, tác giả chốt lại: đức hạnh học thức là cái gốc của văn chương, tức là cái gốc của việc hình thành tài năng nhà văn.

4. KẾT LUẬN

Theo quan điểm thời trung đại, tài năng nhà văn xuất phát từ khả năng thiên bẩm, đây là tư chất quan trọng hàng đầu và vì thiên bẩm nên nó rất hiếm, vì hiếm nên quý. Đó là lý do mà ở mọi thời đại, nhà văn đều rất được xã hội trọng vọng. Tiếp đến là kiến thức học vấn. Khi đọc sách nhiều, trí tuệ nhà văn mới được mở mang, khí thông tuệ thì con mắt mới nhìn được xa, mới viết được tác phẩm sâu sắc. Điều quan

trọng không kém là vốn sống, để có vốn sống thì từ sách vở chưa đủ mà phải đi nhiều, nhà văn phải thâm nhập vào đời sống của nhân dân, đó là nguồn chất liệu dồi dào cho sáng tác. Tất cả các điều trên phải có nền tảng từ đức hạnh, việc trau dồi đạo đức là việc làm thường xuyên của nhà văn.

Quan điểm về tài năng nhà văn được văn nhân thời trung đại đúc kết từ văn hóa lịch sử xã hội, từ thực tế sáng tác của nhà văn thời đại trước, người cùng thời (cả Việt Nam lẫn trung Quốc) và từ chính bản thân người phát biểu. Tính chất tổng kết, khái quát đó rất có giá trị đối với nhà văn cùng thời. Nó cũng là những kiến thức lý luận bổ ích cho thế hệ sau trên con đường sáng tác cũng như tiếp nhận văn chương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Aristotle., & Luu, H. (1999). *The art of poetry, Văn tam diêu long*. Literature Publishing House. Hanoi.
- Doan, L. G. (2009). *Theoretical thought of Vietnamese medieval literary criticism*. Ho Chi Minh City National University Publishing House.
- Huynh, N. P. (2014). *Introduction to Literary Theory*. Ho Chi Minh City National University Publishing House.
- Nguyen, M. T. (1981). *From within the heritage*. New Works Publishing House. Hanoi.
- Phan, T. T., Nguyen, C., Vu T., & Tran, N. T. (2007). *10 centuries of discussion on literature*. Education Publishing House. Hanoi.
- Phuong, L. (1985). *On the concept of ancient Vietnamese literature*. Education Publishing House. Hanoi.
- Trinh, B. D. (2016). *History of Vietnamese literary criticism theory*. Hanoi National University Publishing House.
- Trinh, B. D. (2013). Theory of medieval literary criticism. *Journal of Culture and Arts*, 350, 55-58.